

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 10/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	19001095	Vô Trường	An	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
2	19001500	Vũ Nguyễn Hồng	Ân	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
3	19004471	Hồ Lê Gia	Bảo	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
4	19000182	Trần Thanh	Bình	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
5	19001665	Vô Thanh	Bình	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
6	19005383	Liễu Ngọc	Cần	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
7	19002265	Hoàng Thanh	Chương	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
8	19001179	Lê Xuân	Đạt	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
9	19001767	Nguyễn Quốc	Đạt	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
10	19001287	Lê Huỳnh	Đức	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
11	19001696	Phan Trần	Đức	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
12	19001542	Đặng Anh	Duy	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
13	19001192	Hoàng Trường	Giang	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
14	19001600	Phạm Kiều Tuấn	Hân	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
15	19001695	Nguyễn Tấn	Hào	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
16	19001118	Phan Nhựt	Hào	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
17	19001211	Nguyễn Như	Hưng	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
18	19000072	Nguyễn Hoàng	Kha	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
19	19000994	Vô Đức Lý	Khang	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
20	19001395	Nguyễn Đăng	Khoa	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
21	19001607	Nguyễn Ngọc	Lâm	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
22	19001451	Phạm Nguyễn Nhật	Long	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
23	19002472	Nguyễn Ngọc	Luân	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
24	19001834	Nguyễn Đức	Lực	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
25	19001429	Trịnh Ngọc	Mạnh	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
26	19000497	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
27	19001732	Phạm Trường	Nhân	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
28	19001126	Lâu Ngọc	Phát	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
29	19005364	Lê Minh	Phát	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
30	19000625	Ngô Minh	Phát	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
31	19001798	Nguyễn Tiến	Phát	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
32	19001614	Nguyễn Hoàn	Phúc	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
33	19005021	Nguyễn Hoàng	Phúc	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
34	19001232	Nguyễn Quang	Phúc	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
35	19001039	Lương Công	Phước	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
36	19000529	Nguyễn Minh	Quân	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
37	19001127	Lâu Ngọc	Tài	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
38	19004433	Võ Tấn	Tài	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
39	19001564	Phùng Nguyễn Hoàng	Tâm	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
40	19000563	Trịnh Văn	Tâm	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
41	19001255	Nguyễn Hồ Văn	Thắng	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
42	19001171	Nguyễn Ngô Nhật	Thanh	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
43	19001756	Vũ Công	Thành	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
44	19001156	Phạm Lâm Trường	Thọ	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
45	19001660	Bùi Hữu	Thuận	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
46	19001350	Huỳnh Văn	Tiên	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
47	19001885	Phạm Quang	Tiến	19T4-CCK1	5,292,000	140,000	5,432,000	
48	19000263	Nguyễn Văn	Tình	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
49	19001167	Thạch Ngọc	Trà	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
50	19003889	Nguyễn Hồ Minh	Trí	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
51	19001477	Trần Minh	Trường	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
52	19001465	Thạch Phan Hoàng	Việt	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
53	19001622	Mạch Hưng	Vượng	19T4-CCK1	5,412,000	140,000	5,552,000	
				53				